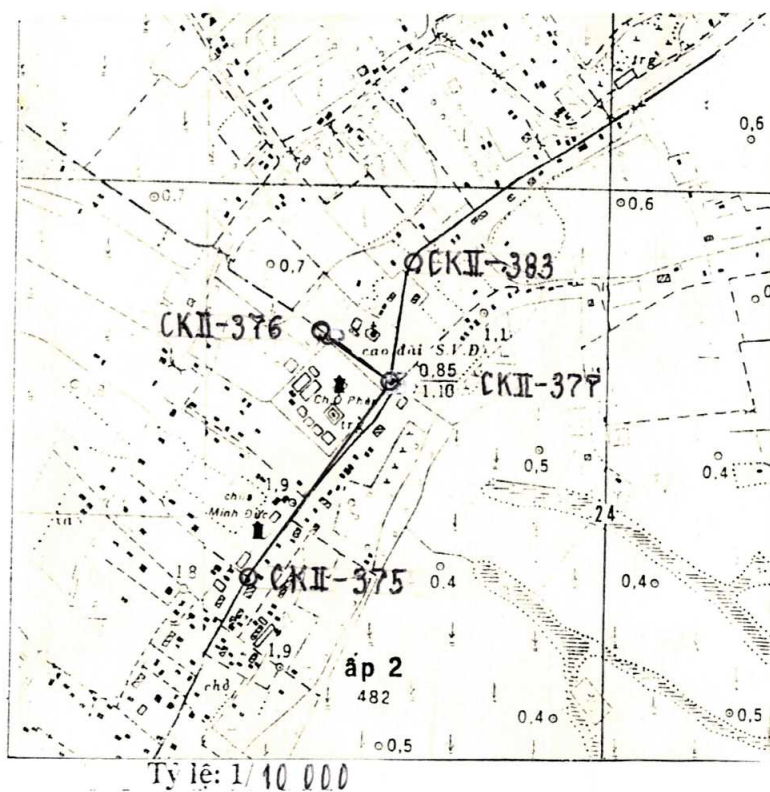


GHI CHÚ ĐIỂM TOA ĐỘ

Tên điểm: _____ Số hiệu: CK II - 377 Mảnh bản đồ: C-48-81-A-d-4
 Phương pháp đo: Đường Chuyền Cấp, hạng: ĐC II
 Trị giá khái lược _____ Độ cao: 1.0 m Kinh độ: 106° 07'
 _____ _____ Vĩ độ: 9° 51'
 Loại đất: Đất công Chất đất: đất thịt
 Nơi đặt mốc: Thôn (bản, làng): Ấp II Xã (thị trấn, phường): Phong Thạnh
 Huyện (Quận): Cầu Kê Tỉnh (Thành phố): Trà Vinh
 Nơi ở gần nhất: Nhà ông Lâm Văn Khôi Khoảng cách tới điểm: 40 m
 Người chọn: Hà Văn Hỷ Đơn vị chọn: XNTĐ 203 - Cty đo đạc địa chính và Công trình
 Ngày 14 tháng 3 năm 2000

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Điểm thông hướng:

B (Tên, số hiệu, cấp hạng điểm liên quan mà từ mặt đất điểm trạm đo nhìn thông suốt tới điểm liên quan)

Điểm:

CK II - 375
CK II - 376
CK II - 383

Họ, tên, địa chỉ người

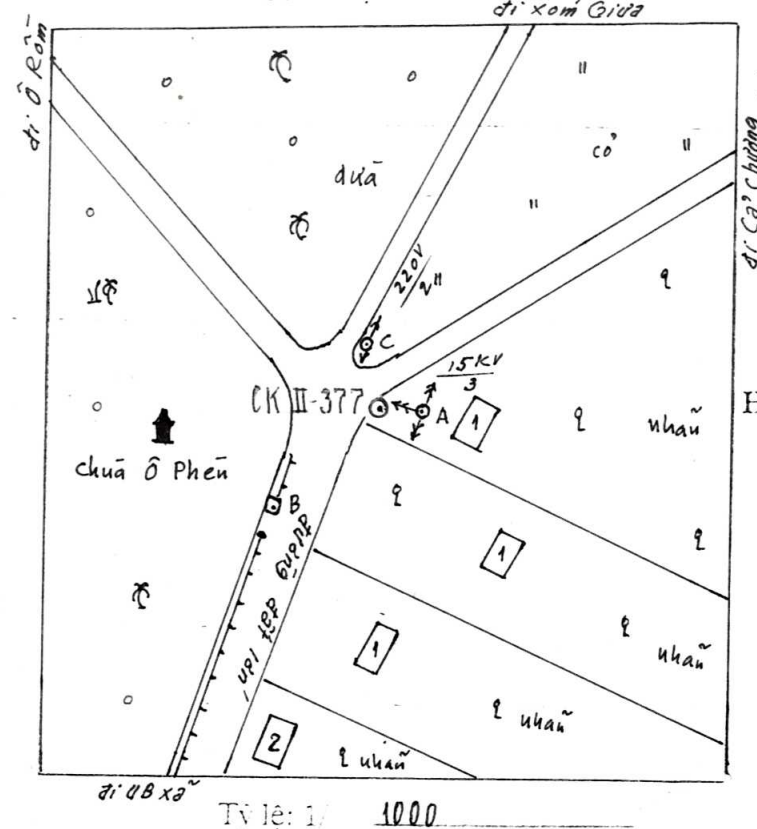
dẫn đường:

Lâm Văn Khôi
 Ấp: II
 Xã: Phong Thạnh
 Huyện: Cầu Kê
 Tỉnh: Trà Vinh

Số liệu đo mốc (mm)

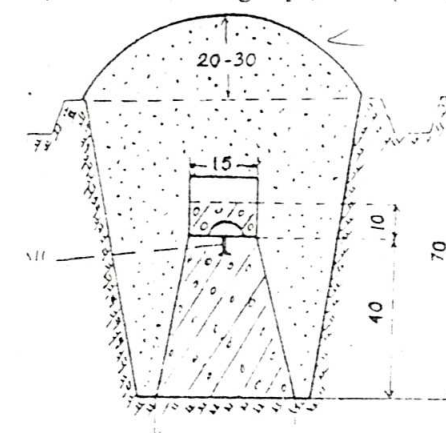
Từ van dọi điểm đến:	Lần 1	Lần 2	T.B.	Chiều cao các tầng mốc
Đáy nỏ	1917	1918	1918	
Trung tâm mốc dưới				
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên	1513	1512	1512	406
Mặt đất	1320	1321	1320	192
Mặt tường vôi hoặc mặt đất sau khi đắp				

Sơ đồ vị trí điểm



Đơn vị chôn mốc, làm tường vôi: XNTĐ 203 - Cty đo đạc địa chính và Công trình
 Người chôn mốc, làm tường vôi: Nguyễn Bá Tuy
 Loại mốc: Chôn 1 tầng
 Ngày 14 tháng 3 năm 2000

Hình vẽ mặt cắt mốc, tường vôi (đơn vị cm)



Vị	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	Cột điện cao thế	Đông Đông Bắc 5.5
B	Trụ tường rào chùa	Tây Nam 19.1
C	Cột điện hạ thế	Bắc Tây Bắc 9.9

Điểm này: Tận dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc

Tên điểm: _____ Số hiệu: _____ Cấp, hạng: _____

Điểm này đo nổi độ cao bằng: _____ Cấp, hạng: _____

Đường đi đến điểm (đường ô tô, sắt, thủy, số KM):
Từ bến xe huyện Cầu Kê theo quốc lộ 54 đi ô tô hướng Tiểu Cần đến chợ Phong Thạnh xuống xe khoảng 9.0 km rẽ trái đi xe honda ôm đến ngã tư chùa Ô Phên xuống xe tới điểm (điểm chôn gần công ông Lâm Văn Khôi)

Cơ quan gia cố mốc, tường vôi, lập ghi chú điểm:

Ngày 14 tháng 3 năm 2000

Người làm ghi chú điểm

Hà Văn Hỷ

Ngày 9 tháng 4 năm 2000

Người kiểm tra

Phạm Văn Khoa

HƯỚNG DẪN LẬP GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Bản ghi chú điểm toa độ này sử dụng để làm ghi chú điểm toa độ Nhà nước cấp "O", hạng I, II, III (có số), IV và địa chính I, II. Sử dụng mực màu đen để điền viết hoặc đánh máy kiểu chữ in nghiêng. Chữ, số, nét vẽ phải rõ ràng, cân thân, đậm nét để đảm bảo khi photocopy được ban rõ nét.

1. Tên điểm : Lấy theo địa danh nơi đặt điểm địa phương thường dùng (ở vùng dân tộc và người ghi biên bản trong ngoặc đơn). Các điểm địa chính I, II thường không có tên điểm.
2. Số hiệu, cấp hạng điểm : Theo quy định trong luận chung kinh tế - kỹ thuật (LCKT - KT) và thực tế thi công.
3. Mảnh bản đồ số : Là phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình lưới chiếu Gauss, tỉ lệ 1 : 100 000 đối với điểm cấp "O", hạng I, II, III, IV Nhà nước và tỉ lệ 1 : 50 000 đối với điểm địa chính I, II.
4. Phương pháp đo : Theo quy định trong LCKT - KT, thí dụ : Công nghệ GPS, đường chuyền ... và thực tế thi công.
5. Giá trị khái lược : Lấy theo số liệu trên bản đồ ở mục 3. Độ cao lấy đến mét, kinh vĩ độ đến 0,1'.
6. Loại đất : Đất công hay tư (tư nhân sử dụng), chất đất theo thực tế. Nếu gần trên vật kiến trúc, trên đá thì ghi rõ gần trên (tháp nước, nhà mái bằng, nền đá...) + tên riêng, tên chủ nhà.
7. Nơi đặt mốc : Là địa chỉ hiện tại. Nếu làm trên hệ phố, lòng đường phải ghi tên đường, phố.
8. Nơi ở gần nhất : Là tên thôn (bản, làng) hoặc nhà ở (nếu điểm đặt ở trong khu dân cư) gần nhất. Khoảng cách tới điểm tính từ nơi ở gần nhất và lấy đến 1 km, 0,1 km hoặc tới chục mét tùy theo điểm ở khu vực đô thị.
9. Người chọn, đơn vị chọn : Là tên người, đơn vị thực tế đã chọn điểm.
10. Điểm thông hướng : Theo quy định trong LCKT - KT và theo thực tế thông hướng của điểm.
11. Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng : Cắt và dán bản đồ địa hình (hoặc bản photocopy bản đồ địa hình, bản đồ khu vực) tỉ lệ 1 : 10 000 - 1 : 50 000, mỗi cạnh 10 x 10 cm. Lấy vị trí điểm làm trung tâm. Điểm cấp "O", hạng I, II, III, IV Nhà nước vẽ bằng ký hiệu tam giác \blacktriangle , điểm địa chính I, hạng IV (hạng V trong tương lai) vẽ bằng ký hiệu tam giác \triangle . Cạnh tam giác, đường kính vòng tròn là 4 mm; và tô đậm. Số hiệu điểm ghi vào chỗ (thuận tiện) độ cao của chữ số là 2,5 mm. Hướng đến điểm thông hướng vẽ mũi tên đến vị trí điểm, độ (nếu điểm ở trong khung) hoặc vẽ đến cạnh khung (nếu điểm ở ngoài khung). Số hiệu điểm thông hướng viết dọc theo chiều mũi tên, cao 2,5 mm. Sơ đồ hướng : Chỉ vẽ hướng đến các điểm thông hướng.
12. Người dẫn đường : Là người có hồ khẩu thường trú ở địa phương, ghi địa chỉ cụ thể.
13. Sơ đồ đo mốc : Chỉ có khi chôn mốc từ hai tầng trở lên hoặc mốc có hai dấu mốc. Số hiệu lấy từ số đo mốc. Điểm tọa độ hạng IV Nhà nước, điểm địa chính I, II không có mục này. Các điểm gần trên vật kiến trúc thường cũng không có mục này.
14. Sơ đồ vị trí điểm (10 x 9 cm) và vật chuẩn : Chọn tỷ lệ thích hợp để vẽ được 3 vật chuẩn nằm trong khung sơ đồ. Chỉ vẽ các yếu tố chính có liên quan đến tìm điểm. Vật chuẩn phải là các địa vật cố định, ổn định lâu dài ở thực địa. Ký hiệu và số hiệu điểm quy định như ở mục 11 nhưng không tô đậm, có chạm ở tâm ký hiệu.
15. Người, đơn vị chôn mốc, làm tường vây : Mục nào không làm gạch ngang để bỏ.
16. Loại mốc : Mốc chôn 2 hoặc 3 tầng, mốc gần trên núi đá, nền đá 2 tầng, mốc gần trên vật kiến trúc 1 hoặc 2 tầng, bê thiêu vữa (nếu trùng vào bê thiêu vữa).
17. Hình vẽ mặt cắt : Theo sơ đồ ghi chu điểm cũ (mốc chôn cũ) và theo thực tế chôn mốc, làm tường vây mới.
18. Điểm này : Tồn dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc; Gạch ngang bỏ mục không làm. Nếu chôn mốc mới không gạch bỏ và không điền viết mục này.
19. Điểm này có nổi độ cao bằng : Công nghệ GPS, đo địa hình nào đó của vùng này (địa phương) ghi khi đạt từ kỹ thuật (hoặc tương đương) trở lên. Thí dụ : Kỹ thuật, tương đương hạng IV, hạng IV...
20. Đường đi tới điểm : Chỉ rõ đi từ địa điểm cụ thể nào, bằng phương tiện gì. Nếu đi bộ qua rừng, núi thì phải ghi thời gian đi và phỏng chừng quãng đường.
21. Các quan gia cố mốc, tường vây, lấp ghi chu điểm : Nếu mốc, tường vây làm mới thì không ghi mục này. Nếu là làm bổ sung thì gạch ngang để bỏ phần việc không làm (tương tự mục 18).
22. Người làm ghi chu điểm, người kiểm tra : Ghi rõ họ tên, không bỏ tên.

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM : _____

SỐ HIỆU : CKII-377

CẤP, HẠNG : ĐC II

NĂM 2000